TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI** Số: 460/2022/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *P, ngày 28 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 592/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con chung gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Đỗ Ngọc L, sinh năm 1998.

Địa chỉ: 532 Lê D, phường Thắng L, thành phố P, tỉnh Gia Lai

- Chị Trịnh Minh T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: 155/56 Khu 4, thị trấn Trà Ô, huyện Trà Ô, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Ngọc L và chị Trịnh Minh T kết hôn ngày 10/02/2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trà Ô, huyện Trà Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Đỗ Ngọc L và chị Trịnh Minh T thống nhất, thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Anh Đỗ Ngọc L và chị Trịnh Minh T có một con chung là cháu Đỗ Phúc L, sinh ngày 24/7/2020.

Hai bên thống nhất thỏa thuận giao cháu Đỗ Phúc L cho chị Trịnh Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị T để nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000đ, kể từ ngày 01/10/2022 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đỗ Ngọc L và chị Trịnh Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) anh L và chị T tự nguyện chịu để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***Về hôn nhân:** Anh Đỗ Ngọc L và chị Trịnh Minh T thống nhất, thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

***Về con chung**: Anh Đỗ Ngọc L và chị Trịnh Minh T có một con chung là cháu Đỗ Phúc L, sinh ngày 24/7/2020.

Hai bên thống nhất thỏa thuận giao cháu Đỗ Phúc L cho Trịnh Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị T để nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), kể từ ngày 01/10/2022 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

***Về tài sản chung và nợ chung:** Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Về tiền lệ phí:** Tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) anh L và chị T tự nguyện chịu toàn bộ để sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 00002404 ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh L và chị T đã nộp đủ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. P;
- THADS TP. P;
- UBND thị trấn Trà Ô, huyện Trà Ô, tỉnh Vĩnh Long (Giấy CNKH số 05, ngày 10/02/2020);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Tiến